

QUY ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DU HỌC

第1条 この規程は、福祉業界に寄与する優秀な人材の育成を行うことを目的とし制定されたもので、教育機関である田原福祉グローバル専門学校（以下「学校」という）が、介護に適した人材を発掘し、日本語習得から介護職員として就職するまでの総合的な支援から管理までを行うものとする。

2 目的のもと、学校に留学を希望する者に対し、留学中に必要な経費の一部を、その経営母体である社会福祉法人福寿園またはその趣旨に賛同する法人（以下「法人」という）が奨学金を貸付け、就学の便宜を図るものである（以下「奨学貸付金」という）。なお、奨学貸付金はその卒業後に法人において定められた期間以上勤続した場合にはその返済義務の一部を免除することをもって法人の介護職員確保に資することが期待されるものである。

3 法人は、奨学生の実用条件について遵守し、育成に協力するものとする。

(Mục đích)

Điều 1 Quy định này được đề ra nhằm mục đích thực hiện đào tạo nguồn nhân lực ưu tú đóng góp cho ngành phúc lợi, và trường chuyên môn phúc lợi toàn cầu Tahara (dưới đây gọi là 「trường」) là tổ chức đào tạo, sẽ thực hiện các công tác như tuyển chọn nhân sự thích hợp cho ngành chăm sóc, tiến hành hỗ trợ đến quản lý một cách tổng hợp từ quá trình học tập tiếng Nhật cho đến khi làm việc với tư cách nhân viên Kaigo.

2. Đối với người nguyện vọng du học tại Trường dưới mục đích trên, đơn vị tổ chức là tập đoàn phúc lợi xã hội Fukujuen, hoặc tổ chức tập đoàn đồng ý với chủ trương trên (dưới đây gọi là 「Tập đoàn」) sẽ cho vay mượn một phần chi phí cần thiết trong quá trình du học nhằm tạo thuận lợi cho việc học tập xem như là tiền học bổng (dưới đây gọi là 「tiền học bổng cho mượn」). Ngoài ra, tiền học bổng cho mượn được kỳ vọng sẽ góp phần đảm bảo nguồn nhân lực kaigo của Tập đoàn thông qua việc miễn trừ một phần nghĩa vụ hoàn trả này trong trường hợp làm việc liên tục cho Tập đoàn trên thời hạn đã quy định.

3. Tập đoàn phải tuân thủ về điều kiện làm việc của học viên nhận học bổng, hợp tác trong quá trình đào tạo.

(参加条件)

第2条 参加者の選抜は学校の実施する面接試験にて選考の上、認められた者の中より、プログラムについて説明を受けた内容について理解し、参加を承諾した者を対象とする。

(Điều kiện tham gia)

Điều 2 Tuyển chọn người tham gia là đối tượng từ trong những người đã được trúng tuyển thông qua kỳ thi phỏng vấn do Trường thực hiện, hiểu rõ nội dung đã được giải thích về chương trình, đồng ý tham gia chương trình.

(奨学生となる条件)

第3条 奨学貸付金を受ける者（以下「奨学生」という）は、次の各号の一を全て満たす者を対象とする。

- 1) 心身ともに健康であること
- 2) 学校等の授業の出席状況と学習態度、成績が良好であること
- 3) 留学を全うする意志が強く、奨学生としての自覚を持ち、留学期間終了後はただちに就労を開始することを承諾している者

(Điều kiện trở thành học viên nhận học bổng)

Điều 3 Người được nhận tiền học bổng cho mượn (dưới đây gọi là 「học viên nhận học bổng」) là đối tượng thỏa mãn tất cả các yêu cầu dưới đây:

- (1) Khỏe mạnh về tinh thần và thể chất
- (2) Có thành tích học tập, thái độ học tập cũng như tỉ lệ đi học chuyên cần ở trường tốt.
- (3) Người có ý chí du học mạnh mẽ, có tính tự giác là học viên nhận học bổng, đồng ý bắt đầu làm việc ngay sau khi kết thúc thời gian du học.

(奨学貸付金額)

第4条 奨学生に対する奨学貸付金額は、就学する学校や生活する住居等に応じて別途、定める。

(Giá trị tiền học bổng cho mượn)

Điều 4 Số tiền học bổng cho học viên nhận học bổng mượn được quy định ở trang khác tương ứng với các chi phí liên quan đến học tập, tiền nhà sinh hoạt.

(奨学貸付期間)

第5条 奨学生に留学中に必要な経費を奨学貸付金として貸付ける期間は、就学する学校の学則に定める正規の在学期間の範囲内とする。

(Thời gian cho mượn học bổng)

Điều 5 Thời gian cho học viên nhận học bổng mượn chi phí cần thiết trong thời gian du học xem như tiền học bổng cho mượn là trong phạm vi thời gian học chính quy theo quy định của trường học.

(奨学生の決定)

第6条 奨学生の選抜は法人の実施する選考試験にて選考の上、採否を決定し、その旨を申請者に通知するものとする。

(Quyết định học viên nhận học bổng)

Điều 6 Tuyển chọn học viên nhận học bổng dựa trên tuyển chọn bằng kỳ thi xét tuyển do Tập đoàn thực hiện, quyết định kết quả đậu rớt và thông báo kết quả này đến các ứng viên đăng ký tham gia.

(奨学貸付金の支給方法)

第7条 奨学貸付金のうち生活費は毎月、銀行振込にて奨学生に対して決められた額を支給する。奨学生が就学する学校に対する学費に充当されるべき金額は法人から学校に直接支払うものとする。就学中の住居は学校が準備し、家賃に充当されるべき金額においては、本人負担分については法人が貸付し、その残りは法人が負担し奨学金免除規定に準ずる。通学費の貸付については法人が通学定期券を貸付金により購入し、奨学生に定期券現物を手渡すこととする。 **(Cách chi cấp tiền học**

bổng cho mượn)

Điều 7 Trong tiền học bổng cho mượn, tiền sinh hoạt thì mỗi tháng sẽ được chi cấp một số tiền đã quy định cho học viên qua chuyển khoản ngân hàng. Số tiền là tiền học phí mà học viên phải đóng cho trường học thì từ Tập đoàn sẽ trả trực tiếp cho nhà trường. Nhà ở trong quá trình học tập sẽ do Trường chuẩn bị, đối với tiền nhà, về phần học viên phải trả thì Tập đoàn sẽ cho mượn, phần còn lại thì Tập đoàn sẽ trả dựa theo quy định miễn trừ tiền học bổng. Đối với tiền mượn chi phí đi lại đến trường thì Tập đoàn sẽ mua vé tháng theo số tiền cho mượn, rồi Trường sẽ đưa vé tháng này cho học viên.

(返済義務)

第8条 返済すべき奨学貸付金の額は就学した学校においてかかった費用全額とするが、次の返済免除規定（第9条）に該当する場合は返済を免除する。

(Nghĩa vụ hoàn trả)

Điều 8 Số tiền học bổng cho mượn phải hoàn trả lại là toàn bộ số tiền chi phí đã tốn tại trường đã học, nhưng trong trường hợp học viên đáp ứng quy định miễn trừ hoàn trả ở dưới đây (điều 9) sẽ được miễn trừ hoàn trả.

(返済金の免除規定)

第9条 奨学生は、次の免除項目に該当する場合には奨学貸付金の法人への返済を免除される。

- 1) 奨学生が、介護福祉士養成校を卒業後直ちに法人の指定する施設等で、介護の在留資格で介護福祉士となり、5年以上継続勤務した場合。ただし、返済義務を要する費用（生活費・住居費・通学費）についてはこれに該当しない。
- 2) 奨学生が、日本語教育機関を修了後直ちに法人の指定する施設等で、特定技能の在留資格で介護士となり、5年以上継続勤務した場合。ただし、返済義務を要する費用（生活費・住居費・通学費）についてはこれに該当しない。
- 3) 奨学生が、法人の指定する施設に就労後、業務に起因する死亡、心身の疾病のために業務を継続できなくなった場合。

(Quy định miễn trừ tiền hoàn trả)

Điều 9 Học viên nhận học bổng trong trường hợp đáp ứng các mục miễn trừ hoàn trả dưới đây sẽ được miễn trừ hoàn trả cho Tập đoàn số tiền học bổng đã mượn.

- 1) Trường hợp Học viên nhận học bổng ngay sau khi tốt nghiệp trường đào tạo Kaigofukushi trở thành nhân viên phúc lợi Kaigo với **tư cách cư trú Kaigo**, làm việc tại các cơ sở chỉ định của Tập đoàn, làm việc liên tục từ **5 năm** trở lên. Tuy nhiên, đối với tiền mượn bắt buộc phải hoàn trả (**tiền sinh hoạt, tiền nhà, tiền đi lại đến trường**) thì không được miễn trừ.
- 2) Trường hợp Học viên nhận học bổng ngay sau khi học xong trường đào tạo tiếng Nhật trở thành nhân viên Kaigo với tư cách cư trú **Đặc định kỹ năng**, làm việc tại các cơ sở chỉ định của Tập đoàn, làm việc liên tục từ **5 năm** trở lên. Tuy nhiên, đối với tiền mượn bắt buộc phải hoàn trả (tiền sinh hoạt, tiền nhà, tiền đi lại đến trường) thì không được miễn trừ.
- 3) Trường hợp học viên nhận học bổng sau khi vào làm việc cho cơ sở chỉ định của Tập đoàn, trong *trường hợp mất hoặc đau ốm bệnh tật cơ thể xảy ra lúc đang làm việc* mà không thể tiếp tục công việc.

(奨学貸付金の停止と返済)

第10条 奨学生が次の各号の一に該当するときは、法人は貸付を即時停止し、奨学生はそれまでに発生した奨学貸付金全額を法人に返済するものとする。

学校への入学後、

- 1) 自己の都合により就学の中断を希望するとき。
- 2) 自己の都合又は病気等により退学したとき。
- 3) 在学中に停学、留年、休学等（傷病、その他やむを得ない理由と学校長が認めた場合の留年、休学等を除く。）となった場合、あるいは奨学生としての適性を著しく欠いていると学校により判断される場合。
- 2 奨学生は、退学、停学、留年、休学等となった場合は、直ちに法人に届け出なければならない。
- 3 奨学生が本条項に該当し法人に対する貸付金の返済が発生するときは、貸付金を返済する事由が生じた日の属する月の翌月から3ヶ月以内に奨学生と法人が協議を行い、返済計画を作成の上で返済するものとする。

(Đình chỉ và hoàn trả tiền học bổng cho mượn)

Điều 10 Học viên nhận học bổng khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây lập tức sẽ bị Tập đoàn **đình chỉ cho mượn học bổng và học viên phải hoàn trả tất cả số tiền đã mượn phát sinh** cho đến thời điểm đó lại cho Tập đoàn.

Sau khi nhập học vào trường,

- (1) Khi xin tạm dừng học vì lý do cá nhân.
- (2) Khi xin thôi học vì lý do cá nhân hoặc vì lý do đau ốm cá nhân
- (3) Trong quá trình học tập, tạm dừng học hoặc lưu ban, nghỉ học (ngoại trừ các trường hợp lưu ban hay nghỉ học do đau ốm hay các lý do bất khả kháng khác được Hiệu trưởng chấp nhận), hoặc trong trường hợp bị Trường đánh giá là thiếu tư cách nghiêm trọng của một học viên nhận học bổng.

2. Học viên nhận học bổng trong các trường hợp như thôi học, tạm nghỉ học, lưu ban, nghỉ học thì phải lập tức báo với Tập đoàn.

3. Khi phát sinh việc học viên nhận học bổng trả tiền mượn cho Tập đoàn theo điều trên thì trong vòng 3 tháng kể từ tháng tiếp theo của tháng phát sinh lý do hoàn trả tiền, Tập đoàn và học viên sẽ trao đổi, thỏa thuận hoàn trả theo kế hoạch hoàn trả.

(返済開始の時期)

第11条 貸付金のうち生活費・住居費・通学費にあたるものについては、就労開始後に毎月決められた金額の返済を要する。在学中は返済を求めないものとする。

2 その他の奨学貸付金については、奨学生が法人の指定する施設等に就労した場合は、その期間中においては奨学生に対し返済を求めない。

3 奨学生が次の各号の一に該当するときは、奨学貸付金を返済する事由が生じた日の属する月の翌月から3ヶ月以内に奨学生と法人が協議を行い、一括返済を求めることなく、返済計画を作成の上で貸付金を返済するものとする。

1) 奨学生が、来日後本校の日本語学科を卒業後に介護福祉学科に進学もしくは特定技能介護の在留資格において、法人に就労しなかった場合

2) 奨学生が、介護福祉学科を卒業後介護の在留資格において、法人に就労しなかった場合

3) 奨学生が法人に就労後、5年未満で退職した場合

(Thời gian bắt đầu hoàn trả)

Điều 11 Trong số tiền đã mượn, đối với tiền sinh hoạt, tiền nhà, tiền đi lại thì phải hoàn trả lại **theo số tiền quy định mỗi tháng ngay sau khi bắt đầu đi làm. Không yêu cầu hoàn trả trong thời gian đi học.**

2 Đối với các khoản học bổng đã mượn khác, trường hợp học viên nhận học bổng đã làm việc cho các cơ sở chỉ định của Tập đoàn thì không yêu cầu học viên hoàn trả trong thời gian này.

3 Khi học viên nhận học bổng xảy ra một trong các trường hợp sau đây thì trong vòng 3 tháng kể từ tháng tiếp theo của tháng phát sinh lý do hoàn trả học bổng đã mượn, Tập đoàn và học viên phải thỏa thuận, lập kế hoạch hoàn trả để hoàn trả lại số tiền học bổng đã mượn, không yêu cầu hoàn trả một lần.

1) Trường hợp học viên nhận học bổng sau khi sang Nhật, đã tốt nghiệp Khoa tiếng Nhật của trường nhưng không học lên Khoa phúc lợi Kaigo và cũng không làm việc cho Tập đoàn với tư cách cư trú Đặc định kỹ năng Kaigo.

2) Trường hợp học viên nhận học bổng sau khi tốt nghiệp Khoa phúc lợi Kaigo nhưng không làm việc cho Tập đoàn với tư cách cư trú Kaigo.

3) Trường hợp học viên nhận học bổng sau khi làm việc cho Tập đoàn nhưng không đủ 5 năm.

(返済の方法)

第12条 奨学貸付金の返済は、月賦及び賞与での返還によるものとする。ただし、その額

においては生活に支障のない範囲内とし、繰上げ返済をすることを妨げない。

(Cách hoàn trả)

Điều 12 Cách hoàn trả tiền học bổng đã mượn là trả góp hàng tháng và bằng tiền thưởng. Tuy nhiên, số tiền trong phạm vi không ảnh hưởng đến sinh hoạt, và không ngăn cản việc hoàn trả trước thời hạn.

(細則の制定)

第 13 条 この規程に定めるもののほか、必要な事項は法人理事長が別に定める。

(Các quy định cụ thể khác)

Điều 13 Ngoài các mục ghi trong quy định này, các hạng mục cần thiết khác sẽ do Giám đốc hành chính tập đoàn quy định riêng.

附則 Các điều khoản bổ sung

この規程は、令和 年 月 日より施行する。

Quy định này thực thi từ ngày tháng năm